

THAI GIÁO NGÔN NGỮ VÀ CÁC HÌNH THỨC THỰC HÀNH THAI GIÁO NGÔN NGỮ

Thào Thị Pàng
SV trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN
ThS. Nguyễn Quốc Cường
Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội

Tóm tắt: Thai giáo là một phương pháp khoa học nhằm giáo dục cho thai nhi từ trong bụng mẹ. “Thai giáo ngôn ngữ và các hình thức thực hành thai giáo ngôn ngữ” có vai trò và ý nghĩa trong việc giáo dục ngôn ngữ cho thai nhi ngay từ khi còn trong bụng mẹ. Trong giai đoạn cuối thai kỳ, thai nhi đã có thể nghe và ghi nhớ âm thanh, đặc biệt là giọng nói của người mẹ. Việc tiếp xúc sớm với ngôn ngữ không chỉ giúp bé làm quen với âm điệu và nhịp điệu của tiếng mẹ đẻ, mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển ngôn ngữ và tư duy sau này. Ở đây chúng tôi cũng giới thiệu các hình thức thực hành thai giáo ngôn ngữ như: thai giáo truyền cảm hứng khát vọng, thai giáo phát triển năng lực tư duy ngôn ngữ, thai giáo ngoại ngữ, thai giáo biểu tượng ngôn ngữ, thai giáo ngôn ngữ kết hợp ánh sáng. Những hoạt động này không chỉ hỗ trợ phát triển não bộ của thai nhi mà còn góp phần tạo dựng mối liên kết tình cảm sâu sắc giữa cha mẹ và con cái ngay từ trước khi chào đời. Các giác quan, các hoạt động như đọc sách, nghe âm nhạc là rất quan trọng.

Từ khóa: Thai giáo, thai giáo ngôn ngữ, phương pháp thai giáo ngôn ngữ, phát triển ngôn ngữ, giáo dục sớm, phương pháp giáo dục, phụ nữ mang thai, chăm sóc thai nhi.

LANGUAGE PRENATAL EDUCATION AND PRACTICAL METHODS FOR FETAL LANGUAGE DEVELOPMENT

Thao Thi Pang
Undergraduate Student, University of Education, Vietnam National University, Hanoi
M.A. Nguyen Quoc Cuong
Hanoi Education Training School for Educational Personnel

Abstract: Prenatal education is a scientific method aimed at educating the fetus while still in the womb. “Language prenatal education and its practical applications” play a crucial role in fostering early language acquisition for the unborn child. In the later stages of pregnancy, fetuses can hear and remember sounds, particularly the mother’s voice. Early exposure to language helps the fetus become familiar with the rhythm and melody of their native language, laying the groundwork for future language development and cognitive abilities. This study also introduces various forms of language prenatal education, including inspirational prenatal communication, language cognitive stimulation, foreign language prenatal education, symbolic language prenatal education, and language-light combination methods. These activities not only support brain development but also strengthen the emotional bond between parents and their unborn child. Sensory stimulation activities such as reading and listening to music are particularly vital during this stage.

Keywords: Prenatal education, language prenatal education, language stimulation methods, early language development, early childhood education, educational methods, pregnant women, fetal care.

Nhận bài: 24/07/2025

Phản biện: 20/08/2025

Duyệt đăng: 24/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những tiến bộ trong khoa học thần kinh và tâm lý học phát triển trẻ em đã khẳng định vai trò nền tảng của các trải nghiệm sớm trong việc định hình cấu trúc và chức năng não bộ, đặc biệt trong giai đoạn bào thai (Lipton, 2005; Shonkoff & Phillips, 2000). Thai giáo – bao gồm các hoạt động kích thích giác quan và tương tác tình cảm giữa cha mẹ và thai nhi – ngày càng được công nhận như một phương pháp hiệu quả để thúc đẩy sự phát triển toàn diện, tạo tiền đề cho thể chất, trí tuệ, cảm xúc và xã hội (Field, 2010). Trong suốt thai kỳ, não bộ thai nhi phát triển nhanh, hình thành các khớp thần kinh mới và gia tăng myelin hóa, giúp cải thiện khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin. Thính giác, đặc biệt, phát triển mạnh từ tuần thai thứ 27, khi thai nhi bắt đầu tiếp

nhận các âm thanh bên ngoài, nhất là âm vực thấp – vốn dễ xuyên qua thành tử cung và giúp hình thành nền tảng nhận diện ngôn ngữ (Partanen, 2013).

Thai giáo ngôn ngữ được xem là hình thức đặc biệt, tập trung vào việc kích thích khả năng ngôn ngữ ban đầu thông qua tiếp xúc có hệ thống với âm thanh ngôn ngữ (DeCasper & Spence, 1986). Nghiên cứu cho thấy từ tuần thai thứ 20, thai nhi đã phản ứng với giọng nói của mẹ, góp phần hình thành các mô hình thần kinh ngôn ngữ, đồng thời gắn kết cảm xúc mẹ – con, đặt nền móng cho sự phát triển ngôn ngữ sau sinh (Marshall R. Childs, 1998).

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm: “Thai giáo”

Thai giáo là một lĩnh vực liên ngành, kết nối

các khía cạnh của tâm lý học, sinh học, y học và giáo dục học, nhằm tác động tích cực đến quá trình phát triển của thai nhi. Từ góc nhìn hiện đại, thai giáo được hiểu là một ngành khoa học nhằm nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em từ khi còn là một bào thai (Verny, 2002).

2.2. “Thai giáo ngôn ngữ”

Thai giáo ngôn ngữ là quá trình thai nhi bắt đầu tiếp thu những yếu tố cơ bản của ngôn ngữ thông qua việc lắng nghe âm thanh và nhịp điệu giọng nói của mẹ. Nghiên cứu cho thấy thai nhi có khả năng nghe từ khoảng tuần thai thứ 20, khi hệ thính giác đã phát triển tương đối hoàn chỉnh. Đến tuần 24–27, não bộ có thể phản ứng với các kích thích âm thanh, đặt nền móng cho việc học ngôn ngữ từ rất sớm (Hepper & Shahidullah, 1994).

Việc tiếp xúc sớm với âm thanh ngôn ngữ không chỉ kích hoạt các kết nối thần kinh liên quan đến thính giác và ngôn ngữ (Hepper & Shahidullah, 1994), mà còn được ghi nhớ trong mối liên hệ với trạng thái cảm xúc của người mẹ (Verny & Kelly, 2002), giúp thai nhi lưu giữ ngôn ngữ trong một bối cảnh có ý nghĩa (Partanen et al., 2013). Những trải nghiệm này góp phần đặt nền móng cho khả năng tiếp thu ngôn ngữ và phát triển nhận thức sau sinh.

2.3. Các giai đoạn phát triển của thai nhi

Có thể chia quá trình của bào thai làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (0–3 tháng đầu): Thai kỳ khởi đầu

Đây là giai đoạn hình thành nền tảng – các cơ quan nội tạng và hệ thần kinh bắt đầu phát triển (Moore et al., 2020). Thai nhi rất nhạy cảm với sức khỏe thể chất và tinh thần của mẹ. Vì vậy, thai giáo giai đoạn này nên tập trung vào việc chăm sóc sức khỏe, giữ tinh thần thư thái để tạo điều kiện tốt nhất cho sự khởi đầu của con.

Giai đoạn 2 (4–6 tháng): Giác quan dần phát triển

Trong thời gian này, các giác quan như thính giác, xúc giác và thị giác bắt đầu hoạt động. Thai nhi có thể cảm nhận và phản hồi với môi trường bên ngoài (Marieb & Hoehn, 2018). Đây là thời điểm lý tưởng để mẹ thực hiện thai giáo qua âm nhạc, lời nói và các kích thích nhẹ nhàng (Thai giáo theo phương pháp Shichida Shichida & Ko Shichida, 2017).

Giai đoạn 3 (7–9 tháng): Tăng tốc não bộ và hoàn thiện giác quan

Não bộ phát triển vượt bậc, các cơ quan gần như hoàn thiện. Thai nhi tiếp nhận và xử lý thông tin tốt hơn (Moore et al., 2020). Đây là lúc mẹ có thể áp dụng những phương pháp thai giáo chuyên sâu hơn để hỗ trợ con phát triển toàn diện cả về trí não lẫn cảm xúc trước khi chào đời.

2.4. Các hình thức và phương pháp hữu hiệu để thai giáo ngôn ngữ cho thai nhi

2.4.1. Thai giáo truyền cảm hứng, khát vọng

Thai giáo truyền cảm hứng và khát vọng là một hình thức thai giáo tập trung vào việc nuôi dưỡng cảm xúc tích cực, khơi dậy ước mơ và nghị lực sống cho thai nhi thông qua ngôn ngữ, tư duy và các hoạt động giao tiếp tinh thần của người mẹ. Bài viết phân tích cơ sở khoa học và tựa lý luận dựa trên các nguồn tài liệu đáng tin cậy, để lý giải tại sao hình thức thai giáo này có ý nghĩa trong việc hình thành nhân cách và trí tuệ cho trẻ từ giai đoạn bào thai.

Thai giáo truyền cảm hứng và khát vọng không chỉ nhấn về ngôn ngữ hay âm thanh, mà đặc biệt nhấn mạnh đến ý nghĩa của cảm xúc mẹ truyền cho con. Thai nhi tiếp nhận “Tên gọi của yêu thương” thông qua những câu chúc ngủ ngon, và những tư duy tích cực của người mẹ. Thai nhi không cần hiểu ngôn từ, mà nhận ra được ý nghĩa và tần số của tình yêu thông qua âm thanh và trạng thái tinh thần (Thai giáo theo phương pháp Shichida Shichida & Ko Shichida, 2017).

Theo Vygotsky (1978), ngôn ngữ là công cụ tư duy và đóng vai trò trung gian giữa trẻ và thế giới. Khi thai nhi được nghe lặp lại các câu chúc, câu động viên tích cực từ người mẹ, điều này không chỉ làm phát triển kỹ năng thính giác, mà còn đặt nền móng cho hình thành cấu trúc tư duy ngôn ngữ về sau.

Bruner (1990) bổ sung rằng: Việc trẻ được sinh ra trong môi trường đều đặn niềm tin và hi vọng sẽ có nền tảng vững chắc hơn trong việc hình thành hình tượng tốt đẹp về chính mình và thế giới xung quanh. Thai giáo truyền cảm hứng chính là một cách gieo trồng tư duy định hướng cho trẻ từ trong bụng mẹ.

Sách “Thai giáo từ trái tim” (Nguyễn Hương, 2015) khẳng định: Cách người mẹ nói chuyện, cảm thấy hạnh phúc, hoặc ước mơ một ước mơ... đó là nơi thai nhi đặt nền cảm xúc đầu đời.

Một môi trường tinh thần ở mẹ trực tiếp tác động đến khả năng đồng điệu não bộ của thai nhi và hình thành thói quen nhận biết tích cực.

Thai giáo truyền cảm hứng và khát vọng là sự kết hợp giữa khoa học thần kinh, tâm lý phát triển và tinh thần nhân văn trong giáo dục trẻ em. Phương pháp này không chỉ mở ra cánh cửa của ngôn ngữ và nhân cách, mà còn đặt nền tảng cho tình yêu và sự gắn bó mẹ con bền vững ngay từ giây phút đầu tiên của sự sống.

2.4.2. Thai giáo phát triển năng lực tư duy ngôn ngữ

Giọng nói của người mẹ được coi là kích thích thính giác quan trọng nhất đối với thai nhi, với bằng chứng thần kinh cho thấy thai nhi phản ứng thông qua nhịp tim, vận động và sự kích hoạt vùng thùy thái dương trái – trung tâm xử lý ngôn ngữ (Carvalho et al., 2019). Những tiếp xúc ngôn ngữ có chủ đích và lặp lại trong thai kỳ góp phần tăng cường trí nhớ thính giác, hỗ trợ khả năng học ngôn ngữ sau sinh (Partanen et al., 2013). Đặc biệt, ngôn ngữ mẹ truyền đến không chỉ chứa thông tin ngữ âm mà còn mang theo cảm xúc và tình cảm, góp phần hình thành gắn kết mẹ – con.

Từ góc độ giáo dục, giao tiếp ngôn ngữ với thai nhi được xem như một hình thức giáo dục sớm, kết hợp nguyên lý đa giác quan, thuyết trí thông minh đa dạng (Gardner) và tiếp cận kiến tạo xã hội của Vygotsky. Trong đó, người mẹ vừa là “người thầy đầu tiên”, vừa là “môi trường cảm xúc an toàn”, tác động đến thai nhi qua giọng nói, ngữ điệu và nhịp điệu ngôn ngữ.

Các kỹ thuật thực hành bao gồm: đọc thơ để làm quen âm tiết, nhịp điệu; trò chuyện theo chủ đề để xây dựng vốn từ; kể chuyện kèm cảm xúc và cử chỉ; hát ru, dân ca để ổn định cảm xúc; và mô tả hoạt động thường nhật để tạo môi trường ngôn ngữ sống động. Những hoạt động này vừa tăng cường kết nối mẹ – con, vừa đặt nền tảng cho năng lực ngôn ngữ, trí nhớ và tư duy biểu tượng sau sinh.

2.4.3. Thai giáo ngoại ngữ

Tiếp xúc với môi trường song ngữ hoặc đa ngôn ngữ trong thai kỳ có thể ảnh hưởng đến cơ chế thần kinh của thai nhi cơ bản về mã hóa âm thanh lời nói. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng trẻ sơ sinh từ các bà mẹ song ngữ biểu hiện mã hóa sinh lý thần kinh khác nhau của âm thanh lời nói so với

trẻ sơ sinh của các bà mẹ đơn ngữ (Gorina-Careta et al., 2024) (Arenillas-Alcón et al., 2024). Điều này cho thấy rằng các bà mẹ song ngữ nên tiếp tục nói nhiều ngôn ngữ với thai nhi của họ, vì sự tiếp xúc này có thể tăng cường độ nhạy cảm của thai nhi với một phạm vi tần số nói rộng hơn.

Thai giáo ngoại ngữ là phương pháp cho thai nhi tiếp xúc với ngôn ngữ thứ hai (ví dụ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật...) thông qua: Người mẹ nghe nhạc, truyện, podcast bằng ngoại ngữ, đọc sách, kể chuyện hoặc hát ru bằng ngoại ngữ, giao tiếp đơn giản với thai nhi bằng ngôn ngữ thứ hai. Phương pháp này nhằm giúp thai nhi làm quen với âm vị học (phonetics), ngữ điệu, tiết tấu và nhịp điệu của ngôn ngữ – tạo nền tảng tốt cho khả năng tiếp thu ngoại ngữ sau sinh.

Giai đoạn thai kỳ là lúc não phải của trẻ đang phát triển mạnh – đây là nơi ghi nhớ hình ảnh, âm thanh và cảm xúc một cách tự nhiên. Ông cho rằng: “Trẻ có khả năng lưu trữ và tiếp nhận lượng lớn thông tin âm thanh nếu được lặp lại trong môi trường tích cực và yêu thương”. Việc người mẹ sử dụng ngoại ngữ thường xuyên và có cảm xúc trong giao tiếp với thai nhi sẽ giúp “gieo hạt ngôn ngữ” sớm trong tiềm thức của trẻ (Shichida 2005).

Mẹ có thể nghe nhạc, kể chuyện, giao tiếp bằng ngôn ngữ thứ hai nếu mẹ hoặc người thân biết. Tham gia lớp học hoặc câu lạc bộ ngôn ngữ để tạo cơ hội tiếp xúc ngôn ngữ thứ hai., bày tỏ cảm xúc bằng các câu đơn giản bằng ngoại ngữ để kích thích thính giác, ngôn ngữ và tăng kết nối tình cảm với thai nhi. Trẻ em tiếp xúc với ngoại ngữ trong thai kỳ có khả năng học và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả hơn khi trưởng thành.

2.4.4. Thai giáo biểu tượng ngôn ngữ

Thai giáo biểu tượng ngôn ngữ là phương pháp sử dụng hình ảnh, ký hiệu, màu sắc và mô hình trực quan để kích thích khả năng ghi nhớ và tư duy của thai nhi. Giả thuyết nền tảng cho rằng thai nhi có thể xử lý thông tin hình ảnh bằng bán cầu não phải trước khi hình thành ý thức ngôn ngữ. Nghiên cứu của Shichida (2005) nhấn mạnh trí nhớ hình ảnh siêu phàm và khả năng tiếp nhận thông tin trực quan của não phải, từ đó khẳng định việc tiếp xúc sớm với thẻ hình ảnh, ánh sáng hay màu sắc tươi sáng có thể “gieo dữ liệu” vào vùng trí nhớ cảm xúc và trực giác.

Theo Piaget (1951), trẻ từ 0–2 tuổi đang ở giai đoạn cảm giác – vận động, kết thúc bằng sự hình thành chức năng biểu tượng (symbolic function). Điều này cho phép suy luận rằng nếu thai nhi được tiếp xúc với tín hiệu hình ảnh ổn định, quá trình nhận diện biểu tượng có thể khởi động ngay từ trong bụng mẹ. Một số hình thức thực hành gồm: treo tranh tương phản đen – trắng từ tuần 28; sử dụng đèn chiếu dịu nhẹ kết hợp kể chuyện; vẽ hoặc viết ký hiệu kèm mô tả bằng lời; và dùng thẻ chữ phát sáng để làm quen biểu tượng ngôn ngữ. Những hoạt động này, khi gắn với cảm xúc và âm thanh, giúp hình thành liên kết hình ảnh – ngôn ngữ – tình cảm, hỗ trợ khả năng tưởng tượng, ghi nhớ trực quan và tư duy logic.

2.4.5. Thai giáo ngôn ngữ kết hợp ánh sáng

Thai giáo ngôn ngữ kết hợp ánh sáng khai thác khả năng cảm nhận thị giác từ tuần thai 24–26 và thính giác từ tuần 18–20. Nghiên cứu của Hepper, Shahidullah & White (1991) cho thấy thai nhi phản ứng với ánh sáng chiếu nhẹ, trong khi DeCasper & Fifer (1980) và Lecanuet et al. (1995) khẳng định khả năng phân biệt âm thanh và nhận diện giọng mẹ ở tuần 25–28. Sự kết hợp ánh sáng dịu với âm thanh ngôn ngữ không chỉ tạo kết nối cảm xúc mà còn thúc đẩy phát triển đồng thời thị giác – thính giác – tư duy hình ảnh.

Theo Shichida & Ko Shichida (2017), “tình yêu thương kết hợp âm thanh và ánh sáng là phương tiện gieo hạt giống trí tuệ và nhân cách trong thai kỳ”. Thực hành cụ thể gồm: dùng đèn pin ánh sáng vàng dịu chiếu qua bụng mẹ trong không gian yên tĩnh, kết hợp đọc thơ, kể chuyện hoặc hát ru với giọng tình cảm, lặp lại vào cùng thời điểm mỗi ngày để tạo thói quen cảm xúc. Lưu ý ánh sáng phải mềm, ổn định, tránh gây kích thích quá mức.

2.5. Cơ sở thực tiễn

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng phiếu khảo sát kết hợp phỏng vấn 60 thai phụ với thời gian mang thai không đồng nhất, 30 người nhà thai phụ, 12 chuyên viên y tế tại Trung tâm Y tế dự phòng huyện Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội. Một số kết quả khảo sát đáng chú ý:

2.5.1. Kết quả khảo sát thai phụ

Câu hỏi khảo sát: Chị đã từng biết đến các hình thức thai giáo nào sau đây?

Kết quả khảo sát: Đa số thai phụ biết đến thai giáo âm nhạc (88,7%), trò chuyện (83,9%), ngôn ngữ (77,4%) và vận động (74,2%). Các hình thức như truyền cảm hứng, tư duy logic và tưởng tượng ít được biết đến (4,8%). Chỉ 3,2% chưa từng nghe đến thai giáo.

2.5.2. Kết quả khảo sát người nhà thai phụ và nhân viên y tế

Câu hỏi khảo sát: Cô/chú/bác/anh/cháu đã từng biết đến các hình thức thai giáo nào sau đây?

Kết quả khảo sát: Hình thức được biết đến nhiều nhất là âm nhạc (63,3%) và ngôn ngữ (61,7%). Khoảng 18,3% người tham gia chưa từng nghe nói về thai giáo.

Câu hỏi khảo sát: Cô/chú/bác/anh/cháu đã từng làm gì để thai giáo cùng thai phụ?

Kết quả khảo sát: Phổ biến là cảm nhận thai nhi (38,3%), trò chuyện (36,7%), kể CHUYỆN, NGHE NHẠC CÙNG MẸ BẦU. 28,3% CHƯA TỪNG THAM GIA HOẠT ĐỘNG NÀO.

III. KẾT LUẬN

Thai giáo ngôn ngữ, với tính chất chủ động và liên ngành, được xem như giai đoạn “chuẩn bị tâm thế học tập sớm” cho trẻ trước khi bước vào môi trường mầm non. Trong Chương trình Giáo dục Mầm non tại Việt Nam (Bộ GD&ĐT, 2022), ngôn ngữ được coi là nền tảng của 5 lĩnh vực phát triển: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tình cảm – xã hội.

Việc tích hợp thai giáo ngôn ngữ có thể triển khai trong ba môi trường: (1) Bệnh viện sản khoa – nhân viên y tế tư vấn cho thai phụ cách giao tiếp với thai nhi, nhấn mạnh lợi ích ngôn ngữ sớm; (2) Trường mầm non – tổ chức lớp tiền sản, hướng dẫn phụ huynh đọc thơ, kể chuyện cho thai nhi; (3) Gia đình – duy trì thói quen hát, kể chuyện, giao tiếp tích cực với thai nhi. Mô hình “giáo dục liên kết thai kỳ” tại Nhật Bản (Shichida, 2017) cho thấy hiệu quả rõ rệt đối với phát triển cảm xúc – ngôn ngữ của trẻ giai đoạn 0–3 tuổi.

Tuy nhiên, thai giáo cần dựa trên cơ sở khoa học thần kinh và an toàn cảm xúc, tránh kỳ vọng phi thực tế (Huỳnh Văn Sơn, 2021). Thực hành đúng cách sẽ biến thai giáo ngôn ngữ thành cầu nối cảm xúc thiêng liêng giữa cha mẹ và thai nhi, đồng thời khẳng định quá trình học ngôn ngữ có thể bắt đầu ngay từ trong bụng mẹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bruner, J. S. (1990). *Acts of meaning*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
2. Carvalho, N., et al. (2019). Fetal brain response to maternal voice: An fMRI study. *Developmental Cognitive Neuroscience*, 36, 100635.
3. Childs, M. R. (1998). The origins of rhythmic language perception and learning: The fetus and the mother's voice. *Journal of Prenatal and Perinatal Psychology and Health*, 13(2), 119–134.
4. DeCasper, A. J., & Fifer, W. P. (1980). Of human bonding: Newborns prefer their mothers' voices. *Science*, 208(4448), 1174–1176.
5. DeCasper, A. J., & Spence, M. J. (1986). Prenatal maternal speech influences newborns' perception of speech sounds. *Infant Behavior and Development*, 9(2), 133–150.
6. Field, T. (2010). Touch for socioemotional and physical well-being: A review. *Developmental Review*, 30(4), 367–383.
7. Gorina-Careta, N., Sebastián-Gallés, N., Albareda-Castellot, B., Marco-Pallarés, J., & Costa-Faidella, J. (2024). Exposure to bilingual or monolingual maternal speech during pregnancy affects the neurophysiological encoding of speech sounds in neonates differently. *Neurobiology of Language*, 5(2), 215–230.
8. Hepper, P. G., & Shahidullah, B. S. (1994). Development of fetal hearing. *Archives of Disease in Childhood – Fetal and Neonatal Edition*, 71(2), F81–F87.
9. Huỳnh, V. S. (2021). Hiểu đúng về thai giáo: Khoa học, cảm xúc và giới hạn thực hành. *Tạp chí Giáo dục & Xã hội*, (103), 34–38.
10. Lecanuet, J. P., Fifer, W. P., Krasnegor, N. A., & Smotherman, W. P. (Eds.). (1995). *Fetal development: A psychobiological perspective*. Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.
11. Lipton, B. H. (2005). *The biology of belief: Unleashing the power of consciousness, matter and miracles*. Hay House.
12. Marieb, E. N., & Hoehn, K. (2018). *Human anatomy & physiology (11th ed.)*. Pearson.
13. Moore, K. L., Persaud, T. V. N., & Torchia, M. G. (2020). *The developing human: Clinically oriented embryology (11th ed.)*. Elsevier.
14. Nguyễn, H. (2015). *Thai giáo từ trái tim*. Hà Nội: Nhà xuất bản Phụ Nữ.
15. Partanen, E., Kujala, T., Näätänen, R., Liitola, A., Sambeth, A., & Huotilainen, M. (2013). Learning-induced neural plasticity of speech processing before birth. *Proceedings of the National Academy of Sciences*, 110(37), 15145–15150.
16. Piaget, J. (1951). *The psychology of intelligence*. Routledge & Kegan Paul.
17. Shichida, M. (2005). *Bí ẩn của não phải (Nguyễn Hương Mai, Dịch)*. Nhà xuất bản Thế Giới.
18. Shichida, M. (2017). *Thai giáo theo phương pháp Shichida: Phát triển trí tuệ và cảm xúc từ trong bụng mẹ*. Tokyo: Shichida Educational Institute.
19. Shichida, M. (2019). *Thai giáo diệu kỳ*. Nhà xuất bản Phụ Nữ Việt Nam.
20. Shonkoff, J. P., & Phillips, D. A. (Eds.). (2000). *From neurons to neighborhoods: The science of early childhood development*. National Academy Press.
21. Verny, T. R., & Kelly, J. (2002). *The secret life of the unborn child*. New York: Dell Publishing.
22. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.